

Bản án số: 02/2024/KDTM-PT

Ngày: 15-01-2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng  
và hợp đồng thế chấp tài sản.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

*- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Quốc Bảo**.

Các Thẩm phán: Ông **Huỳnh Văn Phú**;  
Ông **Nguyễn Văn Thọ**.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thành Đạt** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam:* Bà **Nguyễn Thị Dũng** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2023/TLPT-KDTM ngày 09 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản”.

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số: 25/2023/KDTM-ST ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 103/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N1.

Địa chỉ: Số A đường T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông **Trịnh Phú T**, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần N1 - Chi nhánh Q.

Địa chỉ: Số A đường T, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần R.

Địa chỉ: khối phố T, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: ông **Hoàng Kim H**, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

- Bà Võ Chi N, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Số C đường N, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bà Phùng Nguyên T1, sinh năm 1999.

Địa chỉ: K đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Ông Trương Hùng T2, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số F đường T, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ A, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (*địa chỉ liên hệ: Số A đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng*). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: bị đơn Công ty Cổ phần R.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 03/3/2021, Ngân hàng Thương mại Cổ phần N1 - Chi nhánh Q (*gọi tắt là Ngân hàng*) và Công ty Cổ phần R (*gọi tắt là Công ty R*) đã ký kết Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 6500H1/240/21/033. Theo đó, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty R số tiền 2.200.000.000 đồng, mục đích vay: phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay: 9 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay. Khi vay Công ty R đã thế chấp cho Ngân hàng tài sản để bảo đảm nghĩa vụ, gồm:

1. Tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 29/2006-TNMT, tờ bản đồ số 00 tại Cụm C, xã Đ, huyện Đ (nay là phường Đ, thị xã Đ) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 261343 do Ủy ban nhân dân tỉnh Q cấp ngày 26/6/2006 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng số 495072056010090 do Ủy ban nhân dân tỉnh Q cấp ngày 19/11/2009 theo Hợp đồng thế chấp số 319/HĐTC ngày 21/5/2007 và các Phụ lục kèm theo; 2. Máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất, phương tiện vận tải của nhà máy B theo Hợp đồng thế chấp số 320/HĐTC ngày 21/5/2007 và Hợp đồng thế chấp số 372/HĐTC ngày 22/9/2008 và các Phụ lục kèm theo; 3. Nồi lọc bia thể tích 17,5m<sup>3</sup> theo Hợp đồng thế chấp số 194/2016/VCB.Qna.BL ngày 26/8/2016; 4. 01 hệ thống khử khí nước theo Hợp đồng thế chấp số 21/18/056/VCB ngày 14/3/2018. Quá trình vay vốn, Công ty R đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, đến thời điểm hiện tại Công ty R còn nợ Ngân hàng tiền nợ gốc là 2.190.642.280 đồng. Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty R phải thanh toán số tiền vay còn nợ tính đến ngày 09/8/2023 là 2.417.636.143 đồng, trong đó tiền gốc : 2.190.642.280 đồng, tiền lãi: 226.993.863 đồng (*lãi quá hạn là 154.199.196 đồng và lãi phạt gốc quá hạn là 72.794.667 đồng*) và tiếp tục trả lãi phát sinh

theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 6500H1/240/21/033 kể từ ngày 10/8/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ. Trong trường hợp, Công ty R không thanh toán được nợ thì xử lý toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng, bao gồm cả 02 tài sản đầu tư thêm là hệ thống tank lọc nước và hệ thống thanh trùng; đối với cây cối, không phải là tài sản thế chấp nên không yêu cầu giải quyết. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu của Công ty R để thu hồi nợ. *Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:* Ngày 03/3/2021, Ngân hàng Thương mại Cổ phần N1 - Chi nhánh Q và Công ty Cổ phần R đã ký kết Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 6500H1/240/21/033. Theo đó, Công ty R đã vay số tiền 2.200.000.000 đồng, mục đích phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, thời hạn vay: 9 tháng. Khi vay, Công ty R có thế chấp tài sản, gồm: 1. Tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 29/2006-TNMT, tờ bản đồ số 00 tại Cụm C, xã Đ, huyện Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 261343 do Ủy ban nhân dân tỉnh Q cấp ngày 26/6/2006 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng số 495072056010090 do Ủy ban nhân dân tỉnh Q cấp ngày 19/11/2009 theo Hợp đồng thế chấp số 319/HĐTC ngày 21/5/2007 và các Phụ lục kèm theo; 2. Máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất, phương tiện vận tải của nhà máy B theo Hợp đồng thế chấp số 320/HĐTC ngày 21/5/2007; Hợp đồng thế chấp số 372/HĐTC ngày 22/9/2008 và các Phụ lục kèm theo; 3. Nồi lọc bia thể tích 17,5m<sup>3</sup> theo Hợp đồng thế chấp số 194/2016/VCB.Qna.BL ngày 26/8/2016; 4. 01 hệ thống khử khí nước theo Hợp đồng thế chấp số 21/18/056/VCB ngày 14/3/2018. Quá trình vay vốn, Công ty R làm ăn thua lỗ nên không thanh toán được nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện, đại diện Công ty R thừa nhận toàn bộ số tiền vay còn nợ Ngân hàng; tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh và từ đầu năm đến nay Công ty R đã tạm dừng sản xuất, kinh doanh nên chưa có nguồn thu để thanh toán nợ cho Ngân hàng; hiện tại, Công ty R đang tái cơ cấu hoạt động kinh doanh. Do đó, đề nghị Ngân hàng giãn nợ thêm một thời gian, tạo điều kiện để Công ty R tìm phương án trả nợ. Đối với tài sản mà Công ty R đã thế chấp, về thủ tục thế chấp chưa đảm bảo, hai bên chưa làm thủ tục ký bổ sung lại phụ lục hợp đồng thế chấp đối với tài sản bảo đảm nên Công ty R không chấp nhận xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm như yêu cầu của Ngân hàng, bao gồm cả tài sản đầu tư thêm.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 25/2023/KDTM-ST ngày 09-8-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ vào các Điều 30, 35, 40, 147, 157 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N1 đối với bị đơn Công ty Cổ phần R, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”;

Buộc Công ty Cổ phần R có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP N1 tổng số tiền vay còn nợ là 2.417.636.143 đồng, trong đó tiền gốc là 2.190.642.280 đồng, tiền lãi tính đến ngày 09/8/2023 là 226.993.863 đồng.

Công ty Cổ phần R có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền lãi phát sinh tiếp theo, theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trong trường hợp, Công ty Cổ phần R không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng TMCP N1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, gồm:

(1) Tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 29/2006-TNMT, tờ bản đồ số 00 tại Cụm C, xã Đ, huyện Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 261343 do UBND tỉnh Q cấp ngày 26/6/2006 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng số 495072056010090 do UBND tỉnh Q cấp ngày 19/11/2009 theo Hợp đồng thế chấp số 319/HĐTC ngày 21/5/2007 và các Phụ lục kèm theo. Cụ thể: Nhà xưởng; Nhà bảo vệ; Nhà xe; Nhà làm việc; Tường rào, cổng ngõ; Bể nước ngầm; Sân, đường nội bộ; Kho, bếp ăn, nhà nghỉ công nhân; Nhà lò hơi; Nhà phát điện; Nhà nước đá.

(2) Máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, phương tiện vận tải của Công ty Cổ phần R theo Hợp đồng thế chấp số 320/HĐTC ngày 21/5/2007 và Hợp đồng thế chấp số 372/HĐTC ngày 22/9/2008 và các Phụ lục kèm theo. Cụ thể: Tank lên men (14 cái); Dàn máy đóng chai (01 bộ); Hệ thống lạnh (01 bộ); Hệ thống nấu (01 bộ); Máy lọc (01 cái); Lò hơi (01 cái); Hệ thống điện (01 hệ thống); Máy dán nhãn, phun dất (01 bộ); Két và vỏ chai bia; 01 xe ô tô tải thùng kín, hiệu Isuzu, biển kiểm soát 92K-6292, số máy 535902, số khung R66L77100502; 01 xe ô tô tải thùng kín, hiệu Isuzu, biển kiểm soát 92K-9571, số máy 511532, số khung R66L77100262.

(3) Nồi lọc bia thể tích 17,5m<sup>3</sup> theo Hợp đồng thế chấp số 194/2016/VCB.Qna.BL ngày 26/8/2016 (01 hệ thống).

(4) 01 hệ thống khử khí nước theo Hợp đồng thế chấp số 21/18/056/VCB ngày 14/3/2018 (01 bộ).

(5) Hệ thống tank lọc nước: 12 tank.

2. Không chấp nhận xử lý tài sản thế chấp là Hệ thống thanh trùng lắp đặt trong nhà xưởng và cây cối trên đất (thửa đất số 29/2006-TNMT, tờ bản đồ số 00 tại Cụm C, xã Đ, huyện Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 261343 do UBND tỉnh Q cấp ngày 26/6/2006).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/8/2023 bị đơn Công ty Cổ phần R kháng cáo một phần bản án sơ

thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét: không chấp nhận xử lý tài sản là hệ thống 12 tank lọc nước, vì đây là tài sản của ông Nguyễn Văn M (*là cổ đông của Công ty*) đầu tư thêm, chứ không phải là tài sản của Công ty R và tính lại tiền lãi phạt theo quy định của pháp luật. *Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:-* Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N1 không rút đơn khởi kiện, bị đơn Công ty Cổ phần R giữ nguyên kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn Công ty Cổ phần R và ông Nguyễn Văn M cho rằng hệ thống 12 tank lọc nước (*mà Tòa án cấp sơ thẩm xác định là tài sản thế chấp*) không phải là tài sản của Công ty Cổ phần R mà là tài sản của ông Nguyễn Văn M (*là cổ đông của Công ty R*) nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bổ sung ông Nguyễn Văn M tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm bổ sung ông Nguyễn Văn M vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần R:

[3.1] Đối với nội dung kháng cáo yêu cầu tính lại tiền lãi phạt, thì thấy: tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thống nhất với cách tính tiền lãi phạt của nguyên đơn và chấp nhận số tiền lãi phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bị đơn trả cho nguyên đơn (*nhưng không rút kháng cáo*). Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên số tiền lãi phạt buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn theo như quyết định của bản án sơ thẩm.

[3.2] Đối với nội dung kháng cáo không chấp nhận xử lý tài sản thế chấp là hệ thống 12 tank lọc nước, thì thấy: tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận: nếu hệ thống 12 tank lọc nước là tài sản của Công ty R thì đây là tài sản hình thành trong tương lai và thuộc tài sản thế chấp; tuy nhiên, đây là tài sản của ông Nguyễn Văn M (*là cổ đông của Công ty R*) đầu tư thêm, chứ không phải tài sản của Công ty R nên không phải là tài sản thế

chấp; do đó, Công ty R không đồng ý xử lý đối với 12 tank lọc nước này. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm cũng như tại Tòa án cấp phúc thẩm, Công ty R và ông Nguyễn Văn M không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đây là tài sản thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn M. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định hệ thống 12 tank lọc nước được lắp đặt tại Công ty R là tài sản đầu tư thêm của Công ty và thuộc tài sản hình thành trong tương lai của Công ty R nên chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của nguyên đơn đối với tài sản này là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo này của bị đơn.

[3.3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo như đề nghị của Kiểm sát viên.

[4] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: do Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo nên bị đơn phải chịu số tiền 2.000.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bị đơn đã nộp.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần R, giữ nguyên Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số: 25/2023/KDTM-ST ngày 09-8-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 38, 40 và 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 318, 319, 320 và 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*); Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N1 đối với bị đơn Công ty Cổ phần R về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản”.

Buộc Công ty Cổ phần R có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N1 tổng số tiền vay còn nợ là 2.417.636.143 (*Hai tỷ bốn trăm mười bảy triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn một trăm bốn mươi ba*) đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 2.190.642.280 (*Hai tỷ một trăm chín mươi triệu sáu trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm tám mươi*) đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ

thẩm (09/8/2023) là 226.993.863 (Hai trăm hai mươi sáu triệu chín trăm chín mươi ba nghìn tám trăm sáu mươi ba) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 6500H1/240/21/033 ngày 03/3/2021 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần N1 (Chi nhánh Q) và Công ty Cổ phần R.

Trong trường hợp, Công ty Cổ phần R không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần N1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ đối với hệ thống tank lọc nước: 12 tank.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Công ty Cổ phần R phải chịu số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000 (Hai triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008237 ngày 29/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (15/01/2024).

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND thành phố Tam Kỳ;
- Chi cục THADS thành phố Tam Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)  
Phạm Quốc Bảo**